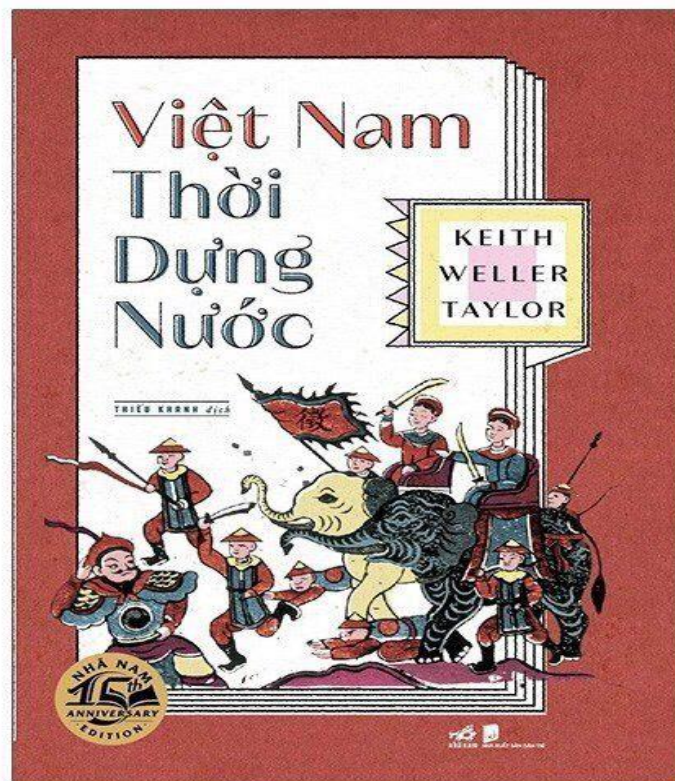


**Những phát hiện mới trong
cuốn sách The Birth of
VietNam của Tiến sĩ sử học
Keith Weller Taylor**
Thiếu Khanh



Cuốn sách của Giáo sư Tiến sĩ sử học K.W. Taylor được University of California Press xuất bản từ năm 1983. Bản Việt ngữ của Thiếu Khanh vừa được công ty Truyền thông Nhã Nam và nxb Dân Trí xuất bản và phát hành vào tháng 10/2020 với tựa VIỆT NAM THỜI DỰNG NƯỚC.

Người viết, Thiếu Khanh, chỉ là dịch giả, không phải nhà nghiên cứu sử học, nhưng khi dịch cuốn sách, đã chú ý và ghi nhận một số điểm mà người viết cho

là phát hiện mới có ý nghĩa quan trọng của tác giả cuốn sách mà dường như từ trước giờ ít, hoặc chưa được các sử gia trong nước đề cập hoặc có nghiên cứu cặn kẽ. Những điểm mới đó là:

MỘT. -MỘT TRUYỀN THUYẾT MỚI PHÙ HỢP VỚI NGHIÊN CỨU VỀ NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM

Mở đầu trang sử về nguồn gốc dân tộc, các bộ Sử chính thống như *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* và *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim đều liên kết dân tộc Việt Nam là cháu chắt nhiều đời của Thần Nông. Đó là một "mật ngữ" cho biết dân tộc ta thuộc về nền văn minh Nông nghiệp lúa nước phương Nam. Vì Thần Nông là ông thần về Nông nghiệp chủ về phương Nam. Thế nhưng hầu như nhiều người không hiểu, mặc nhiên nghĩ Thần Nông là nhân vật của văn hóa Tàu. Ngay cả nhiều nhà trí thức của ta cũng tin như vậy, mà không ai (?) nghĩ thêm để thấy rằng các cháu chắt của Thần Nông, những cái tên đế Minh, đế Nghi, đế Lai... đều là tên người phương Nam, theo cách gọi phù hợp cấu trúc ngữ pháp của tiếng Việt.

Trong văn hóa Tàu cũng có những tên đó. Đó là họ "mượn" của người Việt, chứ không phải nhân vật của họ. Vì nếu là tên nhân vật của Tàu, ắt phải được gọi theo cấu trúc ngữ pháp của tiếng Hán: Nông Thần, Minh đế, Nghiêu đế, Thuấn đế, vân vân. Vả lại, chủng dân của họ thuộc nền văn hóa du mục, sao lại có ông thần Nông Nghiệp cơ chứ! Nhân vật truyền thuyết duy nhất thuộc về họ là ông Hoàng đế.

Nhưng họ "mượn" những cái tên người Việt ấy từ bao giờ?

Sách *The Birth of Vietnam* bắt đầu với truyền thuyết Lạc Long quân **từ biển vào**, "trừ diệt tất cả yêu quái ở vùng đất đó và khai hóa cho dân, dạy họ trồng lúa và mặc quần áo." Rồi ông **trở về biển** sau khi căn dặn người dân khi gặp hiểm nguy thì kêu ông tới giúp.

Truyền thuyết này phù hợp với nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy từ nhiều ngàn năm trước, chủng người Nam Đảo (Austronesia) hoặc Nam Á (Austroasiatic) với nền văn minh nông nghiệp, đã từ **ngoài biển (tức từ phương Nam) đi vào đại lục** và cư trú trên toàn khu vực mà ngày nay là nước Tàu. Trong những ngàn năm sau đó, chủng người văn minh du mục (là tổ tiên của người Tàu) từ hướng Tây Bắc nước Tàu tràn đến, cư trú lẫn lộn với đại chủng người Nam Á đã có mặt từ trước. Chính trong thời gian chung sống này chủng người du mục mới đến sau, vì là thiểu số, họ hòa nhập và chịu ảnh hưởng văn hóa nông nghiệp của chủng người đã có mặt từ trước. Họ coi những nhân vật tổ tiên của người bản địa như tổ tiên mình, và cũng gọi bằng những

cái tên do người Việt gọi. Càng ngày họ càng sinh sôi nảy nở đông đúc thành một thế lực mạnh mẽ, trong khi đại chủng người Nam Á-Nam Đảo phân tán thành nhiều đơn vị nhỏ (Bách Việt) và đất đai bị chủng người du mục nuốt chửng dần dần. Nhóm người Lạc Việt rút dần về phương Nam, bên nay dãy Ngũ Lĩnh.

Hai truyền thuyết trên đây chỉ có cùng một ý nghĩa: Chúng ta thuộc chủng dân nông nghiệp phương Nam. "Dấu chân" của những đợt di dân từ Nam lên Bắc này dần dần được các nhà khảo cổ và nhân chủng học phủi bụi thời gian làm lộ ra.

HAI. - NGƯỜI VIỆT THỜI THƯỢNG CỔ SỐNG TRONG CHẾ ĐỘ MẪU HỆ.

Trong cuốn "Lịch Sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa Thế kỷ XX" của Giáo sư Lê Thành Khôi, tác giả viết: "Lạc Long quân sau khi lấy Âu Cơ, vẫn tiếp tục sống với mẹ và để vợ lo toan việc dạy dỗ toàn bộ con cái của hai người: như vậy đây là một hệ thống theo mẫu hệ."

Nói như thế là đúng, nhưng đó là cách nói với thái độ của người "phụ hệ": Trong chế độ mẫu hệ Lạc Long quân không cưới Âu Cơ mà ngược lại. Chính My Châu đã cưới Trọng Thủy, và Trọng Thủy về theo nhà vợ, chớ không phải ở "gởi rể" gì cả. Chính Âu Cơ là vị tổ mẫu lãnh đạo nhân dân Lạc Việt, chớ không phải Lạc Long Quân. Xã hội mẫu hệ của người Việt thời thượng cổ là một thực tế mà hầu như các sử gia Việt Nam cố tình làm ngơ, không muốn chấp nhận.

Theo truyền thuyết Lạc Long Quân ra đi, để lại Âu Cơ cai trị đất nước sơ khai mở ra thời đại Hùng Vương, chính là cách mà người đời sau cắt nghĩa hiện tượng mẫu hệ. (Nhân đó, người ta sáng tác chuyện chia đôi trăm con cho dễ chấp nhận sự vắng mặt của Lạc Long Quân trong hệ thống quyền lực ban đầu.)

Sau hàng ngàn năm bị người Trung quốc đô hộ và cưỡng bách chuyển sang chế độ phụ hệ, và sống quen trong tinh thần phụ hệ, người ta mặc định người đàn ông phải làm chủ hoặc chủ động thực hiện mọi hoạt động xã hội. Người ta cảm thấy chế độ mẫu hệ là lạ lẫm, "không phù hợp." Thế nên, các sử gia (nam giới) không chịu đựng được sự kiện hai người phụ nữ đã có chồng và chồng còn sống mà "rủ bỏ bốn phận gia đình" đứng lên khởi nghĩa, cầm quân đánh giặc rồi xưng vương. Điều này không phù hợp và không thể xảy ra trong chế độ phụ hệ. "Đàn bà thì làm sao có thể ra lệnh cho ai nghe!?" Vì vậy, một mặt họ (các sử gia) phải gán hai bà Trưng làm con gái của một Lạc tướng ở Mê Linh để dựa vào uy lực gia thế; mặt khác, họ... "giết" ông Thi Sách để bà Trưng có cơ trả thù

chồng. Thực ra, tầng lớp người gọi là Lạc hầu, Lạc tướng không được Tiến sĩ K. W. Taylor mô tả, vì họ không hề tồn tại trong thời đại Hùng Vương.

Tiến sĩ K. W. Taylor cho biết mộ và đền thờ mẹ bà Trưng vẫn còn đó mà không ai biết mộ cha bà ở đâu. Khi hai bà Trưng đánh đuổi Tô Định, chiếm 65 thành rồi xưng vương thì ông Thi Sách vẫn còn sống sờ sờ, và các cổ thư Tàu đều nói rõ ông Thi Sách phục tùng sự lãnh đạo của vợ.

Cho đến nay người ta đều biết mẹ hai bà Trưng là người phụ nữ được gọi là Bà Man Thiện, thậm chí người ta biết cả tên thật của bà là Trần Thị Đoan, mộ bà vẫn còn ở vùng núi Ba Vì, và đền thờ của bà gần đền thờ Hai Bà Trưng, nhưng tuyệt nhiên không ai biết cha bà Trưng là ai, mồ mã ở đâu! Trong chế độ mẫu hệ, người ta chỉ biết mẹ mà không biết ai là cha mình.

Cuộc khởi nghĩa của "bà" Triệu cũng là một bằng chứng của chế độ mẫu hệ. Bởi vì nếu không phải người ta quen sống hàng ngàn năm trong chế độ mẫu hệ mà người phụ nữ nắm mọi quyền lãnh đạo từ trong gia đình ra ngoài xã hội, thì liệu hàng vạn quân binh nam giới của "bà" Triệu có chịu nghe lệnh một cô thiếu nữ 19 tuổi chưa chồng không? Lúc khởi nghĩa, "bà" Triệu chỉ mới 19 tuổi, và bà tuần tiết ở tuổi mới 23. Khi bà nổi lên, người anh, ông Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa trước đó, đã giao binh quyền cho em gái, và chịu sự chỉ huy của em. Từ đó sử sách không nhắc đến tên ông Triệu Quốc Đạt nữa.

Cuốn sách của Tiến sĩ K. W. Taylor không những xác nhận chế độ mẫu hệ của người Việt thời thượng cổ mà còn cho biết sau khi áp đặt nền đô hộ lên người Lạc Việt, các chính quyền cai trị đã thi hành những chính sách vô cùng khắc nghiệt để chuyển đổi người Việt sang chế độ phụ hệ. Sự chuyển đổi này đã diễn ra vô cùng khó khăn vất vả. Nhâm Diên là tên thái thú nhà Hán thi hành chính sách này tàn bạo nhất.

Tuy vậy, sau hơn một ngàn năm đô hộ, người Việt vẫn còn giữ những tàn dư của tinh thần mẫu hệ trong hàng ngàn năm nữa. Cho đến thế kỷ X và thậm chí thế kỷ XI, sách vở còn nói đến những người phụ nữ tình cờ dẫm vào dấu chân người khổng lồ, tắm ở con suối thiêng, ăn một trái cây lạ hay đã có người ăn dở trước đó, hay ngủ mơ "gặp" thần nhân và thụ thai. Đó là tinh thần mẫu hệ, con chỉ biết mẹ mà không biết cha mình là ai. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi hẳn hoi chuyện bà họ Phạm nằm mơ với một vị thần mà sinh ra Lý Công Uẩn - là vua Thái tổ nhà Lý. Hoặc bà vú nuôi của vua Lý Thần Tông tắm sông bị giao long (tức cá sấu) "quấn," bà có thai sinh một đứa con trai! Vân vân.

BA. - KHÔNG CÓ "TRIỀU ĐÌNH VUA HÙNG" VỚI CÁC LẠC HẦU LẠC TƯỚNG

Trong *Việt Nam Sử Lược*, học giả Trần Trọng Kim nói "Quyền chính trị [của các Vua Hùng] là cha truyền con nối gọi là phụ đạo." Đó là nói theo tư cách một người trong chế độ phụ hệ. Với một xã hội mẫu hệ tồn tại trong nhiều ngàn năm và tàn tích còn kéo dài hơn ngàn năm nữa sau khi đã bị đàn áp và cải biến, làm thế nào mà từ hai đến bốn ngàn năm trước Công nguyên lại có thể tồn tại các "Ông" Hùng Vương "cha truyền con nối gọi là phụ đạo!?"

Tuy không mô tả một cách tập trung và có hệ thống, nhưng *The Birth of Vietnam* chỉ xác nhận một thời đại Hùng Vương, mà không mô tả một "Triều đình vua Hùng" cùng với những Lạc hầu, Lạc tướng. Vì các Hùng Vương là những nhà minh triết, những bậc thánh nhân, lãnh đạo nhân dân bằng uy tín cá nhân, chứ không phải là vua cai trị đất nước, nên không có một triều đình vua Hùng trong lịch sử. Thêm vào đó, những người được sử gọi là Lạc Hầu, Lạc tướng, chỉ là những hào trưởng dân sự bình thường, chứ không phải quan tước triều đình. Hơn thế, trong thời đại đó, các vị Hùng Vương nhất thiết chỉ có thể là phụ nữ. Đó là các Bà Hùng Vương chứ không phải "Ông" Hùng Vương! (Xem "Thiếu Khanh - *Vương đạo - và vị Hùng vương thứ*

19": http://chimviet.free.fr/lichsu/thieukhanh/thkhanhn_HungVuong19_a.htm)

BỐN. - VĂN HÓA TÀU KHÓ ĐỒNG HÓA NGƯỜI VIỆT NAM HƠN VĂN HÓA VIỆT ĐỒNG HÓA NGƯỜI TÀU

Trước đây khá lâu người viết có đọc được một tư liệu trên mạng của nhà văn, giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ Trần Đại Sỹ, viện phó viện Pháp-Hoa, giáo sư Trường Y khoa Arma (Paris) có nhiều năm làm việc cho Ủy ban trao đổi y học Pháp-Á, cho biết trong thời gian ông làm việc bên Tàu, ông có gặp và tiếp xúc một cộng đồng người Việt khoảng năm trăm người sống ở đó từ thời Hai Bà Trưng. Họ xưng là hậu duệ của các tướng lãnh và binh sĩ của Hai Bà. Họ nói tiếng Việt cổ, còn giữ một số phong tục Việt và có đền thờ Hai Bà Trưng cùng các nữ tướng của hai bà. Gần đây có lúc "cư dân mạng" ở Việt Nam cũng thấy trên mạng Internet giới thiệu một nhóm người gọi là "Dân tộc Kinh" vốn là người Việt cổ thời Hai Bà Trưng còn sinh sống bên Trung Quốc.

Trong sách *The Birth of Vietnam*, tác giả kể Tiết Tống, một viên Thái thú ở Hợp Phố vào khoảng thế kỷ đầu Công nguyên đã than thở việc "khai hóa" (tức đồng hóa) người phương Nam là vô vọng, và "làm nản lòng hầu hết các nhà cai trị." Và tác giả cuốn sách *The Birth of Vietnam* nhận xét: "*Ngôn ngữ của người Việt Nam vẫn tồn tại, và có thể nói mà không sợ sai lầm rằng sau thế hệ đầu hay thế hệ thứ hai (các hậu duệ) người Hán đã nói tiếng Việt. Xã hội Việt Nam như*

một toàn thể vẫn tách biệt với nền văn minh Trung quốc, và xã hội Hán Việt tồn tại như một cánh (wing) của thế giới văn hóa độc lập này. **Di dân người Hán bị Việt Nam hóa dễ hơn là chiều ngược lại.**" (Việt nam Thời Dựng Nước, trang 94.

(Có thể đọc thêm: "Thiếu Khanh, *The Birth of Vietnam, Dịch và ngắm nghĩ*" - http://chimviet.free.fr/lichsu/thieukhanh/thkhanhn_DichVaNgamNghia.htm)*

Thiếu Khanh

Nguồn: http://chimvie3.free.fr/82/thieukhanh/thkhanhn_PhathienMoi_Taylor_082a.htm

www.vietnamvanhien.org

